

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 19 tháng 8 năm 2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông Lê Đăng Tố

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Chu Hạ Uyên
- Ông Phạm Quốc Thân

**Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Lan Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 335/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-7-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14-8-2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 2002. Địa chỉ: **tổ H, thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**, (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1998. Địa chỉ: **khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn** chị **Đỗ Thị L** trình bày, tranh luận;

**Về quan hệ hôn nhân:** chị **L** và anh **Nguyễn Quốc T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29-4-2021 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Sau khi kết hôn, anh **T** và chị **L** sống tại nhà cha, mẹ chị **L** tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến khoảng tháng 7-2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cá tính vợ chồng không hợp nhau. Trong thời gian chị **L** mang thai và sinh con anh **T** không quan tâm, chăm sóc, không lo phụ kiếm tiền giúp gia đình mặc dù gia đình chị **L** có

tạo điều kiện, giới thiệu việc làm cho anh T. Mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị L và anh T về phía cha mẹ chị L có biết, đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến tháng 9-2021 anh T đã bỏ nhà đi, cho đến hiện nay chị L, anh T không còn liên lạc với nhau.

Về con: theo chị L, chị và anh T có 01 người con là Nguyễn Mai An N, sinh ngày 12-8-2021, hiện nay cháu đang sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị L xác định, vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh T vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin cư trú, làm việc với những người làm chứng để làm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, kết quả xác minh như sau:

Tại Biên bản làm việc ngày 10-7-2024, đối với ông Nguyễn Quốc T1 (cha ruột của anh T) có nội dung như sau: anh T và chị L kết hôn tự nguyện, sau đó về chung sống với cha mẹ ruột của chị L tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện tại anh T làm nghề tự do, mỗi tuần về nhà một lần, ông T1 và anh T vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc với nhau. Về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L, thì ông T1 không có ý kiến gì. Đối với con chung của vợ chồng anh T và chị L, hiện cháu đang sống cùng mẹ tại Bà Rịa - Vũng Tàu, (Bút lục số 23).

Tại Biên bản xác minh ngày 12-7-2024, đại diện Công an phường X cung cấp thông tin như sau: anh Nguyễn Quốc T hiện có đăng ký thường trú tại khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, (Bút lục 24).

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: (1) Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; (2) Về con: đề nghị giao con Nguyễn Mai An N, sinh ngày 12-8-2021 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu; (3) Về tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: các đương sự khai không có, nên đề nghị không xem xét, giải quyết; (4) Về án phí: đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc T, tranh chấp về nuôi con Nguyễn Mai An N, sinh ngày 12-8-2021. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết trong vụ án được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh T có nơi cư trú tại: khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa



án nhân dân thành phố Long Khánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật:

Anh **T** và chị **L** xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2021, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, giải quyết về nội dung vụ án.

[3] Về sự có mặt của các đương sự:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

4.1. Quan hệ hôn nhân giữa anh **T** và chị **L** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29-4-2021, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

4.2. Lời khai của nguyên đơn về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, nguyên nhân phát sinh và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có cơ sở để xác định: anh **T** và chị **L** trong quá trình chung sống đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho đời sống hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì yêu cầu ly hôn của chị **L** đối với anh **T** là có cơ sở chấp nhận.

4.3. Đối với bị đơn anh **T**, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, anh **T** không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị **L**.

[5] Về con:

Chị **L** và anh **T** có 01 người con là Nguyễn Mai An N, sinh ngày 12-8-2021. Khi ly hôn, chị **L** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng. Thấy rằng, hiện con chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, chị **L** có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ điều kiện vật chất để nuôi con. Vì lý do đó, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con trẻ, cần tiếp tục giao con chung cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại Điều 79, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị **L** không yêu cầu anh **T** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản, nợ chung:

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên không xem xét; về nợ chung, nguyên đơn trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết. Đối với anh **T** nếu có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: chị **L** là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị **L** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 19, 51, 56, 70, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị L**, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh **Nguyễn Quốc T**.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* cho chị **Đỗ Thị L** được ly hôn với anh **Nguyễn Quốc T**.
2. *Về con:* giao con **Nguyễn Mai An N**, sinh ngày 12-8-2021 cho chị **L** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chị **L** không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở; vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản:* nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: nguyên đơn xác định không có, nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho anh **T** về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn bằng vụ án khác, nếu anh **T** có yêu cầu.

4. *Về án phí:* chị **L** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu 0005395 ngày 11-6-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Chị **L** đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Long Khánh,
- Chi cục THA thành phố Long Khánh,
- Các đương sự (để thi hành),
- UBND xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (ĐK số 31, ngày 29-4-2021, để ghi vào sổ hộ tịch),
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Tô**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Tô**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Tô**

